TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Phước

Ông Lê Việt Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Văn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp V1, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn:* Chị Phan Mỹ N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp 2, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Lưu Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Mỹ N quen biết trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống như vợ chồng từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nay anh H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Hồng D, sinh ngày 01/5/2009, Lưu Diễm M, sinh ngày 18/01/2013 hiện cả 02 con đang sống với anh H. Sau khi ly hôn anh H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Phan Mỹ N, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị N theo quy định nhưng chị N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị N; chị N cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; chị N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, Tòa án đến nhà của chị N để làm việc nhưng không gặp nên không có lời khai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Lưu Văn H và chị Phan Mỹ N là vợ chồng.

+ Về con chung: giao 02 con chung tên Lưu Hồng D, sinh ngày 01/5/2009, Lưu Diễm M, sinh ngày 18/01/2013 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Anh H yêu cầu ly hôn với chị N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị N cư trú tại ấp V2, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị N.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, là sự kiện có xảy ra trên thực tế. Quá trình sống chung như vợ chồng anh H và chị N không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý"* và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn*

thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Anh H xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh cương quyết yêu cầu ly hôn với chị N. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị N nhưng chị N không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án chị N không lần nào đến Tòa án và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng nay anh H cương quyết xin ly hôn với chị N mà chị N không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, anh H yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với chị N thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh H, tuyên bố không công nhận anh Lưu Văn H và chị Phan Mỹ N là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị N có 02 con chung tên Lưu Hồng D, sinh ngày 01/5/2009, Lưu Diễm M, sinh ngày 18/01/2013. Ngoài ra, không còn con chung nào khác, hiện tại cháu D và cháu M đang ở chung với anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai của cháu Diệu và cháu My, cháu Diệu và cháu My đều có nguyện vọng ở với cha, đây là sự tự nguyện của các cháu, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, việc giao cháu Diệu và cháu My cho anh H nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu Diệu và cháu My cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu Lưu Hồng D, sinh ngày 01/5/2009 và cháu Lưu Diễm M, sinh ngày 18/01/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phan Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lưu Văn H phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân

sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lưu Văn H và chị Phan Mỹ N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Hồng D, sinh ngày 01/5/2009 và cháu Lưu Diễm M, sinh ngày 18/01/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phan Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lưu Văn H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011518 ngày 05/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện H;
-CCTHADS huyện H;
-Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm